

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 19-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ Trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Văn K, nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2966 ngày 27 tháng 12 năm 2019).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Ích H

2. Bà Đinh Thị Q,

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị Q: Ông Phan Ích H, nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 2 năm 2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị D,
2. Anh Phan Trường A,
3. Chị Phan Thị Phương Th,
4. Anh Đỗ Xuân Tr,

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị D, chị Phan Thị Phương Th, anh Đỗ Xuân Tr: Ông Phan Ích H nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 2 năm 2021).

Ông Khanh, ông H có mặt, bà Q, bà D, chị Thảo, anh Tr, anh A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A - Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Đinh Thị Q, ông Phan Ích H có ký các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201500265 ngày 15-6-2015 bà Q ông H vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, mục đích vay: Kinh doanh hàng thủy hải sản, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Phụ lục hợp đồng ngày 15-4-2016 điều chỉnh lãi suất cho vay là 8%/năm, ngày đến hạn trả nợ 15-02-2017.

- Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201500549 ngày 21-10-2015 bà Q ông H vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, mục đích vay: Kinh doanh dầu nhờn, lãi suất vay 7%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ 21-10-2016.

- Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201600164 ngày 20-4-2016 bà Q ông H vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, mục đích vay: Kinh doanh hàng thủy hải sản, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ 20-02-2017.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Đinh Thị Q, ông Phan Ích H và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản ngày 15-6-2015. Tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên diện tích 2400m² đất thuê thuộc thửa đất không số, tờ bản đồ không số tại thôn Mát Ròng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 355493 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 30-11-2012 cho người sử dụng là ông Phan Ích H, bao

gồm:

- Nhà kho đông lạnh, kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 382,25m² diện tích sàn 382,25m².
- Nhà kho hàng số 02 kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 14,2m² diện tích sàn 14,2m².
- Nhà kho hàng số 03 kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 87,6m² diện tích sàn 87,6m².
- Nhà điều hành sản xuất kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 98,5m² diện tích sàn 98,5m².
- Nhà bảo vệ diện tích xây dựng 10,9m² diện tích sàn 10,9m².
- Bể chứa nước diện tích 32,4m²

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Q và ông Phan Ích H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 1.498.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 19-3-2021 là 535.037.721 đồng. Tổng cộng là 2.033.037.721 đồng và yêu cầu ông H bà Q phải tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Q và ông H phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện trả hết toàn bộ khoản vay.

Ông Phan Ích H trình bày: Ông thừa nhận việc ông và bà Đinh Thị Q vay tiền, việc thế chấp tài sản đứng tên ông cũng như số tiền gốc và lãi hiện nay ông và bà Q còn nợ Ngân hàng như người đại diện cho nguyên đơn trình bày ở trên là đúng, không có ý kiến hay khiếu nại gì. ông H đề nghị Ngân hàng cho ông được trả nợ trong thời gian từ 30-6-2021 đến 30-7-2022, sau khi trả xong nợ gốc ông H đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm 1 phần tiền lãi. Nếu ông H, bà Q không trả được nợ thì ông bà đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Ông H và bà Q đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản và công nợ, vẫn còn chung sống với nhau như vợ chồng, nên đồng ý trả nợ chung, không chia đôi số nợ theo tỉ lệ phần trả nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên việc xác định bà Dung là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Trường An chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5 khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự các điều 121, 122, 323, 342, 343, 351, 355, 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tiền nợ gốc và nợ lãi theo như các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng A với ông Phan Ích H và bà Đinh Thị Q có mục đích vay tiền là để hoạt động kinh doanh nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phan Trường An đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Phan Trường An.

- Về nội dung:

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại các Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201500265; số 2115LAV 201500549; số 2115LAV 201600164 với tổng số tiền là 2.033.037.721 đồng là có căn cứ chấp nhận theo các điều 122, 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 2115LCP 201500193 ngày 15 tháng 6 năm 2015 được ký đúng quy định của pháp luật; Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế

chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Điều 5 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Do đó, khi ông H và bà Q không có khả năng trả nợ, Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp được hoàn trả lại cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 323, 342, 343, 351, 355, 471 và Điều

+ 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1. Buộc bà Đinh Thị Q, ông Phan Ích H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201500265 ngày 15-6-2015; Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201500549 ngày 21-10-2015; Hợp đồng tín dụng số 2115LAV 201600164 ngày 20-4-2016 tổng số tiền là 2.033.037.721 đồng, trong đó nợ gốc: 1.498.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 19-3-2021 là 535.037.721 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2021 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Trường hợp bà Đinh Thị Q, ông Phan Ích H không trả được nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Nhà kho đông lạnh, kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 382,25m² diện tích sàn 382,25m².

- Nhà kho hàng số 02 kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 14,2m² diện tích sàn 14,2m².

- Nhà kho hàng số 03 kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 87,6m² diện tích sàn 87,6m².

- Nhà điều hành sản xuất kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 98,5m² diện tích sàn 98,5m².

- Nhà bảo vệ kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích xây dựng 10,9m² diện tích sàn 10,9m².

- Bể chứa nước kết cấu bê tông cốt thép gạch, diện tích 32,4m²

Các tài sản này đang tồn tại trên diện tích đất thuê 2.400 m² thuộc thửa đất không số, tờ bản đồ không số, địa chỉ thửa đất Thôn Mất Ròng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Phan Ích H ngày 30/11/2012, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL355493, số vào sổ cấp giấy CH/0018.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông H và bà Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Ích H và bà Đinh Thị Q phải chịu 72.660.754 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 35.390.000 đồng tại biên lai thu số 0002500 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai